

Bản án số: 04/2023/DS-ST.
Ngày 09 - 3 - 2023.
V/v: “Tranh chấp đòi tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Xuân Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đình Thanh.

Ông Cao Trung Kiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy – Thư ký TAND huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trục Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Trục Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2022/TLST-DS ngày 01/07/2022 về việc “Tranh chấp đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2022/QĐXXST-DS ngày 08/12/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đinh Thị T, sinh năm 1969. Trú tại: Xóm H, xã H, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bà Đinh Thị T là bà Nguyễn Thị Hồng - Văn phòng Luật sư Nguyễn Đình. Đoàn Luật sư tỉnh Cao Bằng.

- Người tham gia phiên họp: Bà Trần Thị Thắm – Trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Nam định.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1961. Trú tại: Xóm A, xã P, huyện T, tỉnh Nam Định.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Đinh Thị Th, sinh năm 1960. Trú tại: Xóm H, xã H, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

- Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bà Th: Bà Hoàng Thị Liên - Văn phòng Luật sư Hà - Liên. Đoàn Luật sư tỉnh Cao Bằng.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn có mặt. Bà Th vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai bà Đinh Thị T trình bày: Bà T và ông Nguyễn Văn B không quen biết nhau, không có giao dịch dân sự gì với nhau. Bà T có quen biết và giao dịch dân sự với bà Đinh Thị Th, ông B là người quen biết của bà Th, nên bà Th báo cho bà T chuyển tiền vào tài khoản của ông B. Từ năm 2017 bà T nghe tin bà Th là thầy bói có khả năng đòi nợ bằng tâm linh, bà T có nhờ bà Th đòi giúp khoản tiền của bà Đặng Thị Vân Anh là người nợ bà T 140.000.000 đồng. Sau đó bà Th có bảo với bà T là bà có khả năng chữa bệnh tâm linh, bà T tiếp tục nhờ bà Th chữa bệnh cho chồng bị ung thư. Quá trình bà T nhờ bà Th làm lễ, bà Th đã nhiều lần yêu cầu bà T chuyển tiền vào các tài khoản của những người có tài khoản mở tại ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn thành phố Cao Bằng do bà Th cung cấp. Trong khoảng thời gian từ 18/2/2017 đến ngày 25/4/2017 bà T đã chuyển tiền vào các tài khoản Ngân hàng do bà Th cung cấp với số tiền 465.000.000 đồng. Trong đó chuyển vào số tài khoản 8314205223370 của ông B với số tiền 228.000.000 đồng bằng việc 16 lần chuyển tiền (bà T chứng minh bằng 16 giấy chuyển tiền và uỷ nhiệm chi). Do khoản tiền chuyển cho bà Th là quá lớn, bà T phải đi vay nhiều người để có tiền chuyển theo yêu cầu của bà Th, vì tin bà Th cam kết sau khi làm lễ xong sẽ trả lại tiền. Do bà Th không trả nên ngày 03/12/2018 bà T đã khởi kiện ra Toà án nhân dân huyện Quảng Hoà, tỉnh Cao Bằng, bà Th đã trả cho bà T 282.500.000 đồng. Còn khoản tiền 228.000.000 đồng chuyển vào tài khoản của ông B, Toà án nhân dân huyện Quảng Hoà và Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc buộc bà Th phải trả số tiền 228.000.000 đồng vì không đủ căn cứ chứng minh bà Th đã nhận số tiền 228.000.000 đồng. Vì vậy bà T khởi kiện đến Toà án nhân dân huyện Trữ Ninh đề nghị giải quyết buộc ông Nguyễn Văn B phải trả cho bà T số tiền 228.000.000 đồng mà bà T đã chuyển vào tài khoản của ông B.

Ông Nguyễn Văn B có lời khai trình bày: ông B làm nghề xe ôm trên thành phố Cao Bằng từ năm 2014, năm 2017 có thuê nhà trọ gần nơi bà Th thuê trọ, nên từ đó có quen biết với bà Th. Bà Th là người tàn tật liệt hai chân không đi được, trong quá trình ở trọ, bà Th thì thoảng có nhờ ông B mua rau hộ. Ông B không biết bà T là ai, trước khi có việc gửi nhờ tiền thì ông B không gặp bao giờ, ông B không có giao dịch gì với bà T. Khoảng tháng 2/2017 bà Th có hỏi xin số tài khoản ngân hàng của ông B và số điện thoại để bà Th có người nhà gửi tiền nhờ vào tài khoản và ông B đi rút hộ. Khoảng 15 ngày sau tôi thấy số tài khoản có tiền do một người tên là Đinh Thị T gửi, sau khi nhận được tiền thì có một số điện thoại lạ có số đuôi 257 (vì sự việc lâu rồi ông B không nhớ hết số điện thoại) điện cho ông B hỏi có rút được tiền không, ông B nhận lời là ra rút được, ông B có hỏi lại là có phải bà T gửi không, đầu máy 257 có trả lời đúng bà T gửi, sau đó ông B

hỏi là giao tiền cho ai, thì đầu máy 257 trả lời là cứ rút tiền đi ra đến cửa cây ATM có người đến nhận, ông B rút tiền xong ra đến cửa thấy 01 người phụ nữ đeo khẩu trang đi xe AirBlade, ông B tiến lại hỏi có phải người nhà bà T không, người đó trả lời là “vâng” thế là ông B đưa tiền. Liên tục trong tháng 3 - 4 năm 2017 bà T chuyển tiền vào tài khoản của ông B 16 lần, mỗi lần thấy tài khoản có tiền, người có số điện thoại đuôi 257 điện cho ông B và người phụ nữ đeo khẩu trang đi xe AirBlade đến nhận tiền. Người phụ nữ đến nhận tiền ông B cũng không biết mặt và cũng không để ý biển số xe, ông B chỉ nghĩ là rút hộ tiền, bà T có người nhà đến nhận tiền là xong việc, nên ông B không nghĩ ngợi gì. Trong suốt thời gian ông B nhận tiền từ bà T thì bà Th có hỏi ông B 1 - 2 lần về việc người nhà gửi tiền, ông B có bảo là có tôi rút tiền và giao cho người nhà bà T rồi. Bà Th hỏi vậy sau đó không nói gì. Sau khi rút tiền hộ 1 - 2 lần tôi có hỏi người có số điện thoại đuôi 257 về tiền công, người đó hứa là trả công 02 triệu. Sau khi rút tiền khoảng 5 - 6 lần sau, ông B không thấy trả tiền công, ông B có nói với người có số điện thoại đuôi 257 là không trả công thì không cho gửi nữa, đến lần sau rút tiền thì người phụ nữ đeo khẩu trang đi xe AirBlade có đưa ông B tờ giấy có chữ ký ghi tên Đinh Thị Th hứa cho tôi 80 triệu đồng. Sau đó ông B có hỏi bà Th “cho tôi nhiều tiền vậy, bà Th có nói là chú đã giúp tôi nhiều thì tôi cho chú”, nhưng thực chất bà Th chưa cho ông B đồng nào. Người đến nhận tiền là người của bà T hay bà Th thì ông B cũng không biết. Quan điểm của ông B là ông không có trách nhiệm gì về số tiền giữa bà T và bà Th giao dịch với nhau và chuyển tiền nhờ vào tài khoản của ông. Ông B nghi ngờ người nhận tiền là người nhà bà Th và bà T. Bà T và bà Th chuyển vòng quanh nhiều lần để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông B.

Bà Đinh Thị Th có lời khai trình bày: Bà là người tàn tật, không làm nghề gì, bà quen biết bà T là người cùng xã khác thôn, biết nhau từ nhỏ, bà Th làm thầy cúng ở thôn nên bà T có việc gì đều đến nhờ cúng lễ. Đối với ông B, bà Th chỉ biết là làm nghề xe ôm trọ gần nhà, thì thoảng bà Th có nhờ ông B chở xe ôm. Trước đó khoảng đầu năm 2017 bà T có nhờ bà Th làm lễ cúng đòi một khoản tiền 140.000.000 đồng mà bà Vân Anh cầm của bà T không trả. Bà T có đưa cho bà Th chứng minh nhân dân của bà Vân Anh để cúng, sau khi cúng được một tuần thì bà Vân Anh nhận trả tiền cho bà T thông qua một người xe ôm tên Dương, sau đó ông Dương chuyển 140 triệu đồng sang cho bà Th để trả cho bà T. Sau khi làm xong việc đòi được 140 triệu đồng cho bà T. Bà T nhờ bà Th mượn số tài khoản của ai quen biết, tin tưởng để bà T chuyển tiền nhờ tài khoản để sau đó chuyển khoản tiền đó cho người khác có điện thoại số đuôi 257. Bà có hỏi ông B có số tài khoản để cho người thân quen gửi nhờ vào tài khoản, sau khi rút được tiền thì người ta sẽ trả công 02 triệu đồng. Chính vì thế ông B đã nhận lời cho bà Th số tài

khoản ngân hàng và số điện thoại để cung cấp cho bà T. Bà Th không biết số tiền bà T chuyển vào tài khoản của ông B, bà Th có biết là người quen bà T đã đến nhận tiền từ ông B sau đó có nhắn tin bằng điện thoại cho bà T là đã nhận được tiền, sau đó bà T lại nhắn lại tin nhắn đó vào máy điện thoại của bà Th. Theo bà Th biết ông B không được hưởng lợi gì trong số tiền 228.000.000 đồng. Nếu ông B lấy tiền mà không giao cho người phụ nữ có số điện thoại đuôi 257 thì bà T không có tin nhắn báo là đã nhận được tiền từ ông B để báo lại cho bà Th biết.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bà T có ý kiến: Do bà T quá tin tưởng, mê tín nên bà T đã hoàn toàn nghe theo lời bà Th. Bà Th yêu cầu chuyển tiền qua người trung gian là ông B. Vì quá tin vào tâm linh nên có những ngày bà T đã chuyển tiền nhiều lần vào tài khoản của ông B theo yêu cầu bà Th. Trách nhiệm của ông B, khi nhận được tiền vào tài khoản, ông B phải giao lại cho bà Th.

Ý kiến của người bảo vệ quyền lợi cho bà Th: Theo lời khai của bà T là chuyển tiền 228 triệu đồng vào tài khoản của ông B theo yêu cầu của bà Th, việc này không liên quan gì đến bà Th. Như ông B đã khai là đã rút tiền chuyển cho người phụ nữ là người nhà của bà T, bà T nhận được tiền đều đã thông báo tin nhắn cho bà Th biết. Như vậy bà T đã biết tiền của mình gửi vào tài khoản ông B đã có người nhận, như vậy bà T yêu cầu ông B phải trả số tiền 228 triệu đồng gửi nhờ vào tài khoản của ông B là không có căn cứ vì việc chuyển tiền vào tài khoản tới 16 lần thì bà T phải biết tiền của mình phải đến tay người mình muốn chuyển và người đó đã nhận được tiền thì mới chuyển tiếp các lần sau đó.

Tại phiên tòa:

Bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị giải quyết buộc ông Nguyễn Văn B phải trả cho bà T số tiền 228.000.000 đồng mà bà T đã chuyển vào tài khoản của ông B. Yêu cầu ông B phải trả lãi suất theo lãi suất ngân hàng đối với số tiền 228.000.000 đồng.

Ý kiến của ông B: Ông B có nhận số tiền 228.000.000 đồng của bà T gửi vào tài khoản ngân hàng của ông B. sau khi nhận được tiền thì có một số điện thoại lạ có số đuôi 257 (vì sự việc lâu rồi ông B không nhớ hết số điện thoại) điện cho ông B hỏi có rút được tiền không, ông B nhận lời là ra rút được, ông B có hỏi lại là có phải bà T gửi không, đầu máy 257 có trả lời đúng bà T gửi, sau đó ông B hỏi là giao tiền cho ai, thì đầu máy 257 trả lời là cứ rút tiền đi ra đến cửa cây ATM có người đến nhận, ông B rút tiền xong ra đến cửa thấy 01 người phụ nữ đeo khẩu trang đi xe AirBlade, ông B tiến lại hỏi có phải người nhà bà T không, người đó trả lời là “vâng” thế là ông B đưa tiền. Ông B đã rút toàn bộ số tiền do bà T gửi vào tài khoản và đã giao hết cho người phụ nữ có số điện thoại đuôi 257. Đến nay ông B không xác định được người đó là ai. Ông đề nghị Toà án nhân huyện Trục Ninh có căn cứ nào đó để minh oan cho ông. Ông B đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán, HĐXX đúng quy định của BLTTDS. Nguyên đơn, bị đơn đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án, đã có bản tự khai trình bày quan điểm, có mặt tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Việc Tòa án đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ các điều Điều 166;579;580; Điều 357 Bộ luật dân sự;

Đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc đòi tài sản là số tiền 228.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi tám triệu đồng) đối với ông Nguyễn Văn B.

Buộc ông Nguyễn Văn B phải có trách nhiệm trả cho bà T số tiền 228.000.000 đồng (hai trăm hai mươi tám triệu đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của bà Đinh Thị T buộc ông B phải trả tiền lãi đối với số tiền 228.000.000 đồng (hai trăm hai mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật bà T có đơn yêu cầu thi hành án, Ông B chậm trả tiền thì phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: ông B phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử nhận định, sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Đinh Thị T khởi kiện đòi tài sản đối với ông Nguyễn Văn B, trú tại xóm A, xã P, huyện T, tỉnh Nam Định. Thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh.

[2] Về nội dung vụ án:

Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. HĐXX nhận thấy: Bà Đinh Thị T và bà Đinh Thị Th là người cùng địa phương có quan hệ thân quen với nhau, giữa bà T và bà Th có giao dịch mang tính chất tâm linh mê tín, bà T nhờ bà Th lập lễ cúng đòi nợ bà Trần Thị Vân Anh với số tiền 140.000.000 đồng. Theo lời khai của bà T: Trong khoảng thời gian từ 18/2/2017 đến ngày 25/4/2017 bà T đã chuyển tiền vào các tài khoản Ngân hàng do bà Th cung cấp với số tiền 460.500.000 đồng. Trong đó chuyển vào số tài khoản 8314205223370 của ông B với số tiền 228.000.000 đồng, bằng việc 16 lần chuyển tiền (bà T chứng minh bằng 16 giấy chuyển tiền và uỷ nhiệm chi), mỗi lần chuyển tiền bà T đều chủ động điện thoại cho bà Th để bà Th xác nhận đã nhận được tiền thì bà T mới chuyển tiếp các lần sau theo yêu cầu của bà Th. Do chuyển tiền và thông báo nhận

tiền qua điện thoại, chính vì vậy bà Th đã không thừa nhận số tiền 228.000.000 đồng. Ngày 03/12/2018 bà T đã khởi kiện bà Th ra Toà án nhân dân huyện Quảng Hoà, tỉnh Cao Bằng, để đòi bà Th tổng số tiền 460.500.000 đồng trong đó có 228.000.000 đồng chuyển vào tài khoản của ông B. Toà án hai cấp của tỉnh Cao Bằng, căn cứ chứng cứ do bà T cung cấp đã xử chấp nhận 01 phần yêu cầu của bà T nên bà Th đã phải trả cho bà T 282.500.000 đồng. Còn khoản tiền 228.000.000 đồng chuyển vào tài khoản của ông B, Toà án nhân dân hai cấp tỉnh Cao Bằng đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc buộc bà Th phải trả số tiền 228.000.000 đồng vì không đủ căn cứ chứng minh. Do không đòi được khoản tiền 228.000.000 đồng mà bà T chuyển cho bà Th. Ngày 01/07/2022 bà T nộp đơn khởi kiện ông Nguyễn Văn B đòi tài sản là khoản tiền 228.000.000 đồng mà bà T gửi cho bà Th nhờ qua tài khoản ngân hàng của ông Nguyễn Văn B. HĐXX xét thấy ông B tuy không quen biết, không có giao dịch với bà T, nhưng ông B đã nhận lời giúp bà Th trong việc cho gửi tiền nhờ vào tài khoản ngân hàng. Ông B đã cung cấp số điện thoại và tài khoản ngân hàng của mình cho bà Th, bà Th cung cấp lại số điện thoại và tài khoản ngân hàng của ông B cho bà T chuyển tiền, việc này đã được chứng minh bằng việc bà T 16 lần chuyển tiền vào tài khoản ông B với tổng số tiền 228.000.000 đồng, sau khi nhận được tiền ông B phải có trách nhiệm chuyển cho bà Th nhưng ông B sau khi nhận được tiền không trực tiếp chuyển cho bà Th mà lại chuyển cho một người khác có số điện thoại đuôi 257. Trong quá trình giải quyết vụ án ông B không chứng minh được người mà ông B giao tiền đó là ai và ông B cũng không xác định được người nhận tiền đó như thế nào. Do vậy ông B phải chịu trách nhiệm với số tiền 228.000.000 đồng mà bà T đã chuyển vào tài khoản của ông B.

[3] Từ những chứng cứ nhận định trên. HĐXX Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T. Buộc ông Nguyễn Văn B phải có trách nhiệm trả cho bà T số tiền 228.000.000 đồng.

[4] Xem xét yêu cầu ông B phải trả lãi suất theo lãi suất của Ngân hàng đối với số tiền 228.000.000 đồng của bà T. HĐXX xét thấy việc bà T chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng của ông B để thực hiện việc cúng bái, tâm linh, đây là giao dịch dân sự vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật. Do vậy không được chấp nhận.

[5] Về án phí: ông B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 166, 579, 580 ; Điều 357 Bộ luật dân sự;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc đòi tài sản là số tiền 228.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi tám triệu đồng) đối với ông Nguyễn Văn B.

Buộc ông Nguyễn Văn B phải có trách nhiệm trả cho bà T số tiền 228.000.000 đồng (hai trăm hai mươi tám triệu đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Đinh Thị T buộc ông B phải trả tiền lãi đối với số tiền 228.000.000 đồng (hai trăm hai mươi tám triệu đồng).

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật bà T có đơn yêu cầu thi hành án, Ông B chậm trả tiền thì phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Văn B phải nộp 11.400.000 đồng, án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bà T, ông B, bà Th có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. bà Th có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại địa phương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trữc Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trữc Ninh;
- UBND xã;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Mai Xuân Mạnh